

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS-ST

Ngày: 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; tại Thành phố Hồ Chí M; HKTT: quận T, Thành phố Hồ Chí M; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; bị cáo có 01 người chị và 01 người em; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 06/2013/HSST ngày 08/01/2013 của TAND quận T, thành phố Hồ Chí M xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/7/2015*); Bản án số 04/2018/HS-ST ngày 24/01/2018 của TAND quận T, thành phố Hồ Chí M xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/02/2020*); Nhân thân: Ngày 03/10/2007, bị UBND quận T, thành phố Hồ Chí M xử phạt “Đưa vào trường giáo dưỡng số 4” thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 4552/QĐ (*chấp hành xong ngày 02/10/2009*); bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 02/8/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Dương Văn C, sinh năm 1986; HKTT: Huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; HKTT: Huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người làm chứng: NLC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và M (*không rõ nhân thân lai lịch*) là bạn bè quen biết khi cả hai làm thuê tại Thành phố Hồ Chí M. T và M hẹn ngày 02/8/2020 gặp nhau tại ngã ba Đồn Công an thị xã Bến Cát để đi trộm cắp tài sản.

Sáng ngày 02/8/2020, T đón xe khách đi từ Thành phố Hồ Chí M đến điểm hẹn. M điều khiển xe mô tô, đem theo 01 cây sắt hình lục giác, mài đẹp một đầu, dài khoảng 08 cm đến điểm hẹn chờ T đi tìm xe máy để trộm, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. M sử dụng xe mô tô loại Sirius (*T không nhớ biển số*) chở T đi tìm tài sản để trộm.

Khoảng 11 giờ, khi M điều khiển xe chở T đi đến đoạn đường đất đỏ thuộc ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương thì M phát hiện trong sân nhà của bà Trương Thị S, sinh năm 1954, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương có để 3-4 xe mô tô, cổng mở không có người trông coi. T ngồi trên xe chờ ngoài đường cảnh giới cho M. M đi vào trong dùng cây sắt mài đẹp một đầu cạy được ổ khóa chiếc xe loại Wave biển số 36B7-139.19 nhưng xe không khởi động được (*do xe có thiết bị chống trộm*) nên M đi ra nói T vào cạy cốp xe để tìm tài sản, T đồng ý cả hai đi vào. T dùng tay cạy cốp xe nhưng chưa lục tìm được tài sản thì bị phát hiện nên cả hai bỏ đi.

M tiếp tục điều khiển xe chở T đi đến đoạn đường ĐT 749A thuộc xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, M phát hiện trước nhà của anh Nguyễn Trung H, có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn vàng, biển số 61H1 – 386.66 có gắn chìa khóa trên xe. M nói T “xe không có người, có chìa khóa trên xe”. M dùng xe bên ngoài cảnh giới và đưa cho T cây đoản bẻ khóa. T đi bộ vào đến chiếc xe Vision, T ngồi lên xe, gạt chân chống và dùng tay mở khóa xe nhưng xe không khởi động (*do xe có gắn thiết bị chống trộm*). Lúc này, anh Nguyễn Văn Có E, sinh năm 1994 đã quan sát thấy toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô của T nên truy hô cùng ông Hồ Ngọc S, sinh năm 1983 bắt giữ được T giao Công an xã L xử lý, còn M chạy thoát. Thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn vàng, biển số 61H1-386.66, số máy JF66E0270907, số khung 5813GY270803; 01 cây sắt hình lục giác, mài đẹp một đầu, dài khoảng 08 cm; 01 điện thoại di động hiệu Nokia

1202, màu xanh, số IMEI 352017/04/251577/3; 01 sim điện thoại số 8401181150669610 WD.

Cùng ngày 02/8/2020, Công an xã L, huyện Dầu Tiếng tiếp tục thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đỏ - đen - bạc, biển số 36B7-139.19, số máy JA39E0932748, số khung 3912KY076574, xe đã bị hư hỏng ổ khóa.

Bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 04/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UNBD huyện Dầu Tiếng kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn vàng, biển số 61H1-386.66, số máy JF66E0270907, số khung 5813GY270803 có trị giá 21.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đỏ - đen - bạc, biển số 36B7-139.19, số máy JA39E0932748, số khung 3912KY076574 có trị giá 12.000.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐĐG ngày 31/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UNBD huyện D kết luận: 01 ổ khóa xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 36B7-139.19 bị hư hỏng có trị giá 300.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng tên M, khi nào xác M được nhân thân lai lịch sẽ xem xét xử lý.

Quá trình điều tra đã xác định được, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn vàng, biển số 61H1-386.66, số máy JF66E0270907, số khung 5813GY270803 do bà Nguyễn Thị N đứng tên chủ sở hữu, bà N là vợ ông Nguyễn Trung H. Ngày 15/8/2010, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng đã trả tài sản trên cho ông Nguyễn Trung H, hiện ông H không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra đã xác định được, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đỏ - đen - bạc, biển số 36B7-139.19, số máy JA39E0932748, số khung 3912KY076574 do ông Dương Văn C, đứng tên chủ sở hữu. Ngày 02/8/2020, ông C cho con gái tên Dương Thị Thanh T mượn để đi dự đám cưới và có gửi xe tại nhà của bà Nguyễn Thị S. Ngày 14/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại tài sản cho ông Dương Văn C, hiện ông C không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSĐT-HS ngày 13/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo T như

Cáo trạng số 10/CT-VKSDT-HS ngày 13/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và đề nghị:

- *Về hình phạt*: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 15; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo T chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

- *Xử lý vật chứng*:

+ Đối với 01 cây sắt hình lục giác, mài đẹp một đầu, dài 08 cm, là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xanh, số IMEI 352017/04/251577/3 và 01 sim điện thoại số 8401181150669610 WD của T, T không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho T.

Tại phiên tòa, bị cáo T không tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát về nội dung Cáo trạng, luận tội, tội danh, mức hình phạt; bị cáo T tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án. Toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Trên cơ sở thỏa thuận trước với đối tượng tên M, sáng ngày 02/8/2020, T đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến địa bàn huyện Dầu Tiếng để cùng M thực hiện việc trộm cắp tài sản. T cùng M đã thực hiện 02 vụ trộm cắp nhằm chiếm đoạt 02 xe mô tô loại Wave biển số 36B7-139.19 và loại Vision biển số 61H1 – 386.66 nhưng chưa chiếm đoạt được thì bị bắt quả tang. Lời khai nhận của bị cáo T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Bản Cáo trạng số 10/CTr-VKSDT-HS ngày 13/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi lén lút vào nhà của người dân lấy trộm tài sản của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản.

[4] Xét hành vi, động cơ, mục đích, mức độ phạm tội của bị cáo T: Bị cáo T là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ nhận thức để biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng là kẻ lười lao động, vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có được tài sản mà không cần bỏ sức lao động nên cố ý lấy trộm tài sản của người khác. Bị cáo T trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 33.000.000 đồng theo 02 Bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐG ngày 04/8/2020 và số 46/KL-HĐĐG ngày 31/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Dầu Tiếng. Bị cáo T là kẻ từng có 02 tiền án về tội phạm chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không lấy đó là bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm”. Do đó, bị cáo T bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định. Tuy nhiên, bị cáo T thực hiện tội phạm chưa đạt nên được xem xét áp dụng theo quy định tại các Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

[5] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm quyền sở hữu trên địa bàn huyện Dầu Tiếng nói riêng và cả nước nói chung nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tù để bị cáo có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Phạm tội gây thiệt hại không lớn, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không có trình độ học vấn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Quá trình điều tra, cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng tên M, khi nào xác M được nhân thân lai lịch sẽ xem xét xử lý.

[9] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] *Về trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo T chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

[11] *Xử lý vật chứng*:

- 01 cây sắt hình lục giác, mài đẹp một đầu, dài 08cm là công cụ phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xanh, số IMEI 352017/04/251577/3 và 01 sim điện thoại số 8401181150669610 WD của T, T sử dụng vào việc liên hệ với đối tượng M để thực hiện tội phạm nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 15; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

I. *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 02/8/2020.

II. *Trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo T chiếm đoạt đã được thu hồi trao trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét giải quyết.

III. *Xử lý vật chứng*:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn cây bằng kim loại dài 08cm, một đầu hình lục giác (06 cạnh), một đầu được mài đẹp giống chiếc chìa khóa.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1202, màu xanh, số IMEI 352017/04/251577/3 và 01 (một) sim điện thoại số 8401181150669610WD.

(Toàn bộ số tài sản này hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/01/2021).

IV. *Án phí hình sự sơ thẩm*: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

V. Về quyền kháng cáo:

1. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 05/02/2021).

2. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng